



**THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ GẮN VỚI DU LỊCH
SINH THÁI, CỘNG ĐỒNG Ở TỈNH BẠC LIÊU (NAY LÀ TỈNH CÀ MAU)
CURRENT STATUS OF COOPERATIVE DEVELOPMENT ASSOCIATED
WITH ECOTOURISM AND COMMUNITY-BASED TOURISM IN BAC
LIEU PROVINCE (NOW PART OF CA MAU PROVINCE)**

Nguyễn Thị Thu Hằng^{1*}, Lâm Sơn Hoài Phong¹, Trần Hoàng Khải²

¹Liên minh HTX tỉnh Cà Mau

²Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hậu, tỉnh Cà Mau

*hanglmhtxcm@gmail.com

Ngày nhận bài:

24/3/2026

Ngày chấp nhận đăng:

14/9/2026

Keywords: Cooperatives;
Ecotourism; Community-
based tourism; Bac Lieu
Province; Rural tourism.

ABSTRACT

The integration of cooperatives (COOPs) with ecotourism and community-based tourism has emerged as a high-potential strategy for diversifying rural livelihoods and enhancing collective economic efficiency in Bac Lieu Province. By synthesizing literature, conducting field surveys, questionnaire-based investigations, and in-depth interviews, this study analyzes the organizational structure, operational status, and the extent of cooperative engagement in the tourism sector. Findings reveal that while Bac Lieu possesses substantial comparative advantages in agricultural, ecological, and cultural resources suitable for experiential tourism, most cooperatives currently operate at a nascent stage. These entities face significant hurdles, including small-scale operations, capital shortages, inadequate infrastructure, and limited governance and service-delivery skills. Furthermore, digital transformation, promotional efforts, and market linkages remain underdeveloped, despite a high demand for professional training and connectivity with travel enterprises. The study suggests that developing cooperatives alongside ecotourism and community-based tourism in Bac Lieu must be framed as a transition from conventional agricultural production to a multi-value economic model, necessitating robust community participation, policy support, and sustainable value chain integration.

TÓM TẮT

Phát triển hợp tác xã (HTX) gắn với du lịch sinh thái, cộng đồng đang trở thành một hướng đi có tiềm năng trong quá trình đa dạng hóa sinh kế nông thôn và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể tại tỉnh Bạc Liêu¹. Trên cơ sở tổng hợp tài liệu, khảo sát thực địa, điều tra bằng phiếu và phỏng vấn sâu, bài viết phân tích thực trạng tổ chức, hoạt động và mức độ tham gia du lịch sinh thái, cộng đồng của các HTX trên địa bàn tỉnh. Kết quả cho thấy Bạc Liêu có nhiều lợi thế về tài nguyên nông nghiệp, sinh thái, văn hóa và điều kiện phát triển du lịch trải nghiệm, tuy nhiên phần lớn HTX mới tham gia du lịch ở mức

¹ Số liệu được khảo sát đánh giá trước ngày 01/7/2025 trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu (cũ).

Từ khóa: HTX; du lịch sinh thái; du lịch cộng đồng; Bạc Liêu; du lịch nông thôn.

sơ khai, quy mô nhỏ, thiếu vốn đầu tư, hạn chế về cơ sở vật chất, năng lực quản trị và kỹ năng tổ chức dịch vụ. Các hoạt động quảng bá, chuyển đổi số và liên kết thị trường còn yếu, trong khi nhu cầu đào tạo, hỗ trợ hạ tầng và kết nối với doanh nghiệp lữ hành là rất lớn. Bài viết chỉ ra rằng phát triển HTX gắn với du lịch sinh thái, cộng đồng ở Bạc Liêu cần được nhìn nhận như một quá trình chuyển đổi từ mô hình sản xuất nông nghiệp thuần túy sang mô hình kinh tế đa giá trị, có sự tham gia của cộng đồng, sự hỗ trợ chính sách và liên kết chuỗi bền vững.

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh phát triển kinh tế nông thôn theo hướng đa giá trị, việc gắn hoạt động của HTX với du lịch sinh thái, cộng đồng đang trở thành một hướng đi có nhiều tiềm năng. Bạc Liêu có lợi thế về tài nguyên nông nghiệp, hệ sinh thái ven biển, cảnh quan nông thôn, văn hóa đa dân tộc và sản vật địa phương, tạo điều kiện hình thành các sản phẩm du lịch trải nghiệm gắn với cộng đồng. Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay cho thấy phần lớn HTX mới tham gia hoạt động du lịch ở mức sơ khai; sản phẩm còn đơn lẻ, quy mô nhỏ và chưa tạo được chuỗi trải nghiệm hoàn chỉnh. Nhiều HTX thiếu vốn, mặt bằng, hạ tầng đón khách, nhân lực có kỹ năng dịch vụ, năng lực quản trị, công cụ quảng bá số và liên kết với doanh nghiệp lữ hành; cơ chế huy động sự tham gia và phân phối lợi ích cho cộng đồng cũng chưa rõ nét. Những hạn chế này làm cho hiệu quả khai thác tài nguyên chưa tương xứng với tiềm năng. Vì vậy, nghiên cứu thực trạng phát triển HTX gắn với du lịch sinh thái, cộng đồng ở tỉnh Bạc Liêu là cần thiết nhằm nhận diện có hệ thống mức độ tham gia, nguồn lực, kết quả bước đầu và các rào cản chủ yếu, qua đó đề xuất giải pháp phát triển phù hợp trong bối cảnh địa giới hành chính đã thay đổi.

2. Tổng quan tài liệu nghiên cứu và cơ sở lý luận

2.1 Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Trên thế giới, các nghiên cứu về du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và du lịch nông thôn chủ yếu nhấn mạnh ba điều kiện nền tảng: khai thác hợp lý tài nguyên bản địa, sự tham gia thực chất của cộng đồng và bảo đảm phát triển bền vững (Dougherty, 2009; Wearing & Neil, 1999). Các mô hình này có khả năng tạo sinh kế, gia tăng giá trị sản phẩm địa phương, bảo tồn môi trường và gìn giữ bản sắc văn hóa (Giampiccoli et al., 2015). Tuy nhiên, hiệu quả phụ thuộc đáng kể vào chất lượng sản phẩm, năng lực tổ chức dịch vụ, cơ chế phân phối lợi ích và khả năng liên kết thị trường; mô hình dễ rơi vào tình trạng nhỏ lẻ, tự phát nếu thiếu hạ tầng, đào tạo kỹ năng và kết nối với doanh nghiệp lữ hành (Goodwin & Santilli, 2009). Theo hướng tiếp cận phát triển nông thôn, du lịch cộng đồng còn góp phần nâng cao vai trò chủ thể của người dân, tạo việc làm tại chỗ và thúc đẩy phát triển bao trùm (Douglas, 2006).

Đối với kinh tế tập thể, các nghiên cứu khẳng định HTX có vai trò tổ chức sản xuất, hỗ trợ thành viên, liên kết chuỗi giá trị và phát triển kinh tế nông thôn (Birchall, 2022; Ortmann & King, 2007). Gần đây, HTX được xem xét như một chủ thể có thể cung ứng dịch vụ gắn với nông nghiệp, sản phẩm địa phương, OCOP và du lịch nông thôn. Lợi thế của HTX nằm ở khả năng huy động cộng đồng, tập hợp nguồn lực phân tán và phân phối lợi ích theo hướng bao trùm; song các hạn chế về quy mô vốn, quản trị, kỹ năng dịch vụ và chuyển đổi số vẫn là những rào cản phổ biến (Higgins-Desbiolles, 2020).

Ở Việt Nam, các công trình liên quan chủ yếu tập trung đánh giá tiềm năng du lịch cộng đồng, điều kiện phát triển du lịch nông thôn hoặc vai trò của HTX trong phát triển sản phẩm địa phương (Phạm Trung Lương, 2015). Các nghiên cứu đã làm rõ giá trị của tài nguyên bản địa và vai trò của cộng đồng, nhưng còn ít công trình phân tích đồng thời HTX với tư cách vừa là tổ chức kinh tế tập thể, vừa là chủ thể tổ chức dịch vụ du lịch. Khoảng trống này thể hiện rõ ở cấp địa phương: chưa có nhiều bằng chứng định lượng về năng lực tổ chức, nguồn lực tài chính, mức độ đầu tư, mức độ tham gia dịch vụ, khả năng tiếp cận thị trường và nhu cầu đào tạo của HTX tại

Bạc Liêu. Vì vậy, bài viết tập trung đo lường và đối sánh các nhóm nội dung nêu trên, qua đó bổ sung bằng chứng thực tiễn cho việc chuyển đổi HTX từ mô hình sản xuất nông nghiệp thuần túy sang mô hình kinh tế đa giá trị gắn với du lịch sinh thái, cộng đồng.

2.2 Cơ sở lý luận

Theo Luật Du lịch năm 2017, du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên, gắn với bản sắc văn hóa địa phương, có sự tham gia của cộng đồng dân cư và kết hợp giáo dục về bảo vệ môi trường (Quốc hội, 2017). Cách tiếp cận này thống nhất với quan niệm coi du lịch sinh thái là hoạt động du lịch có trách nhiệm tại khu vực tự nhiên, đồng thời hướng đến bảo tồn và nâng cao nhận thức môi trường (Wearing & Neil, 1999).

Du lịch cộng đồng được phát triển trên cơ sở các giá trị văn hóa của cộng đồng, do cộng đồng dân cư quản lý, tổ chức khai thác và hưởng lợi (Quốc hội, 2017). Theo Scheyvens (2002), tính bền vững của mô hình này phụ thuộc vào mức độ trao quyền, sự tham gia thực chất và khả năng cộng đồng kiểm soát, phân phối lợi ích từ hoạt động du lịch.

Hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên và góp phần phát triển cộng đồng bền vững (Quốc hội, 2023). Trong mối quan hệ với du lịch, HTX có thể tổ chức và điều phối các nguồn lực sẵn có của địa phương như sản xuất nông nghiệp, cảnh quan sinh thái, văn hóa cộng đồng, ẩm thực và nghề truyền thống. Vai trò của HTX vì vậy không chỉ dừng ở cung cấp sản phẩm đầu vào mà còn có thể mở rộng sang thiết kế trải nghiệm, tổ chức tham quan, ăn uống, lưu trú, hướng dẫn, bán sản phẩm đặc trưng và liên kết chuỗi giá trị.

Từ góc độ phân tích, sự phát triển của HTX gắn với du lịch sinh thái, cộng đồng có thể được xem xét qua các nhóm yếu tố chính gồm: tổ chức và quản trị HTX; nguồn lực vật chất, tài chính và con người; sản phẩm và dịch vụ du lịch; truyền thông, chuyển đổi số; liên kết thị trường và sự hỗ trợ của chính sách.

Để đánh giá thực trạng phát triển HTX gắn với du lịch sinh thái, cộng đồng tại Bạc Liêu, nghiên cứu không chỉ dựa trên dữ liệu thống kê mô tả mà tập trung phân tích dựa trên khung lý thuyết về sự giao thoa giá trị. Trên cơ sở kế thừa các lý thuyết về du lịch dựa vào cộng đồng của Scheyvens (2002) và định hướng xã hội hóa du lịch của Higgins-Desbiolles (2020), nghiên cứu này xây dựng khung phân tích tập trung vào sự chuyển dịch từ “mô hình sản xuất thuần túy” sang “hệ sinh thái kinh tế đa giá trị”. Để đo lường mức độ gắn kết giữa HTX và du lịch tại tỉnh Bạc Liêu, nghiên cứu xác định các chiều kích đánh giá trọng tâm bao gồm:

- Tính tích hợp sản phẩm - dịch vụ: Mức độ chuyển hóa tài nguyên bản địa thành trải nghiệm du lịch;
- Năng lực quản trị và nhân lực: Sự sẵn sàng về tư duy dịch vụ của bộ máy HTX;
- Mức độ bao trùm xã hội: Cơ chế phân phối lợi ích và sự tham gia của cộng đồng ngoài thành viên HTX;
- Liên kết hệ sinh thái: Khả năng kết nối giữa HTX với các doanh nghiệp lữ hành và chính sách hỗ trợ.

Việc xác định các chiều kích này giúp nhận diện chính xác những rào cản cấu trúc đang cản trở sự phát triển bền vững của mô hình tại địa phương.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế hỗn hợp, kết hợp phương pháp định tính và định lượng. Dữ liệu thứ cấp được tổng hợp từ báo cáo, tài liệu quản lý, công trình khoa học và hồ sơ liên quan đến HTX, du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng. Dữ liệu định tính được thu thập thông qua khảo sát thực địa, quan sát điều kiện hoạt động và phỏng vấn sâu cán bộ quản lý, đại diện HTX nhằm làm rõ bối cảnh, cách thức tổ chức dịch vụ, khó khăn và nhu cầu hỗ trợ. Dữ liệu định lượng được thu thập bằng phiếu hỏi có cấu trúc.

Mẫu khảo sát được lựa chọn có chủ đích kết hợp phân tầng theo nhóm chủ thể, gồm 150 phiếu hợp lệ: 30 phiếu dành cho cán bộ cơ quan quản lý nhà nước (03 đơn vị cấp tỉnh, 07 cơ quan chuyên môn cấp huyện và 20 UBND cấp xã), 30 phiếu dành cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc của 30 HTX, và 90 phiếu dành cho thành viên HTX. Các HTX được lựa chọn là những đơn vị đang tham gia hoặc có tiềm năng, nhu cầu phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng. Quy mô 150 phiếu được xác định theo thiết kế nghiên cứu nhằm thu nhận đồng thời góc nhìn chính sách, năng lực tổ chức và khả năng tham gia của thành viên; mẫu phục vụ mục tiêu mô tả, nhận diện vấn đề và không được sử dụng để suy rộng thống kê cho toàn bộ HTX trên địa bàn.

Phiếu hỏi tập trung vào đặc điểm nhóm đối tượng và vai trò tham gia; tổ chức, nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính và kết quả hoạt động của HTX; mức độ đầu tư và cung ứng dịch vụ du lịch; quảng bá, liên kết thị trường; nhu cầu đào tạo và các rào cản phát triển. Phiếu được điều tra thử với quy mô bằng 10% số phiếu của từng nhóm để hiệu chỉnh trước khi khảo sát chính thức. Dữ liệu được kiểm tra, mã hóa, làm sạch và phân tích bằng thống kê mô tả (tần suất, tỷ lệ phần trăm), kết hợp so sánh, tổng hợp và phân tích chủ đề từ nội dung phỏng vấn sâu.

Về cơ cấu mẫu, cán bộ quản lý nhà nước chiếm 20,0%, đại diện HTX chiếm 20,0% và thành viên HTX chiếm 60,0%. Trong nhóm 30 đại diện HTX, trình độ của Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc gồm: cao đẳng, đại học 20,0%; trung cấp 13,3%; sơ cấp 40,0%; chưa qua đào tạo 26,7%. Khảo sát thực địa và thu thập phiếu được hoàn thành trước ngày 01/7/2025; số liệu dùng để so sánh thực trạng tập trung vào thời điểm thành lập, năm 2023 và năm 2024. Do đó, giai đoạn 2018-2024 được hiểu là phạm vi thời gian của tài liệu và số liệu đánh giá, không phải thời gian tiến hành toàn bộ nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận kết quả nghiên cứu

4.1 Bối cảnh phát triển HTX gắn với du lịch sinh thái, cộng đồng ở Bạc Liêu

Khu vực Bạc Liêu có điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch nông thôn nói chung và mô hình HTX gắn với du lịch sinh thái, cộng đồng nói riêng. Lợi thế này đến từ sự kết hợp giữa tài nguyên sinh thái, sản xuất nông nghiệp, cảnh quan nông thôn, văn hóa đa dân tộc và hệ thống đặc sản địa phương. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới trong những năm qua cũng góp phần cải thiện hạ tầng giao thông, điện, nước, môi trường và các điều kiện tiếp cận điểm đến.

Tuy nhiên, lợi thế về tài nguyên chưa đồng nghĩa với việc hình thành ngay các sản phẩm du lịch có khả năng cạnh tranh. Trên thực tế, HTX ở Bạc Liêu chủ yếu vẫn vận hành theo mô hình sản xuất nông nghiệp hoặc cung ứng dịch vụ đầu vào cho nông nghiệp; hoạt động du lịch mới được bổ sung như một hướng khai thác thêm giá trị và chưa trở thành lĩnh vực kinh doanh được tổ chức bài bản.

4.2 Thực trạng tổ chức và năng lực của HTX

Kết quả khảo sát cho thấy quy mô tổ chức của phần lớn HTX trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu vẫn còn nhỏ, nhưng đã xuất hiện xu hướng mở rộng quy mô theo thời gian. Tại thời điểm thành lập, nhóm HTX có dưới 50 thành viên chiếm tỷ trọng áp đảo với 96,7%. Đến năm 2023, tỷ lệ này giảm còn 70,0% và tiếp tục giảm xuống 60,0% vào năm 2024. Ngược lại, nhóm HTX có từ 50 đến 100 thành viên tăng từ 3,3% lên 20,0%, trong khi nhóm trên 100 thành viên từ chỗ chưa xuất hiện ở thời điểm thành lập đã đạt 16,7% vào năm 2023 và 20,0% vào năm 2024. Xu hướng này phản ánh sự dịch chuyển từ mô hình tổ chức quy mô nhỏ sang mô hình có khả năng tích lũy nguồn lực và mở rộng thành viên tốt hơn.

Bảng 1. Thực trạng số lượng thành viên tại các HTX khảo sát

STT	Nội dung	Năm thành lập	Năm 2023	Năm 2024
1	Dưới 50 thành viên	96,7	70,0	60,0
2	Từ 50 đến 100 thành viên	3,3	13,3	20,0
3	Trên 100 thành viên	0	16,7	20,0

Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm nghiên cứu (2024)

Về điều kiện cơ sở vật chất phục vụ hoạt động, kết quả khảo sát cho thấy mức độ đầu tư giữa các hạng mục còn khá chênh lệch. Hạ tầng kỹ thuật số như máy vi tính và kết nối internet đã được trang bị ở 66,7% HTX, cho thấy một mức độ thích ứng nhất định với yêu cầu quản trị hiện đại và chuyển đổi số. Tuy nhiên, hạ tầng vật chất cơ bản như trụ sở làm việc vẫn còn là một điểm yếu khi chỉ có 40,0% HTX có đầu tư, trong khi 60,0% chưa có trụ sở riêng. Điều này phản ánh những hạn chế về vốn tích lũy và điều kiện mặt bằng của khu vực kinh tế tập thể, đồng thời cho thấy nhu cầu hỗ trợ hạ tầng vẫn còn lớn.

Bảng 2. Thực trạng đầu tư cơ sở vật chất thiết yếu tại các HTX khảo sát

STT	Nội dung	Có đầu tư, trang bị (%)	Không có đầu tư, trang bị (%)
1	Trụ sở	40,0	60,0
2	Trang bị máy vi tính	66,7	33,3
3	Trong đó: Kết nối mạng internet	66,7	33,3

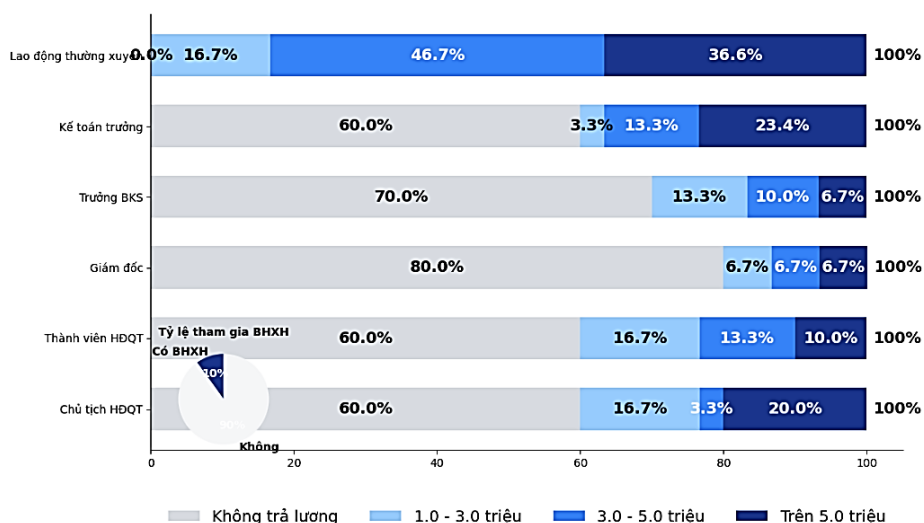
Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm nghiên cứu (2024)

Kết quả khảo sát về nhân lực và chế độ làm việc cho thấy việc chi trả tiền lương, tiền công cho cán bộ quản lý và người lao động trong HTX còn nhiều bất cập (Hình 1). Tỷ lệ các chức danh quản lý chủ chốt không hưởng lương còn cao; 80% Giám đốc HTX không được hưởng lương. Thực trạng này cho thấy mối liên hệ giữa trách nhiệm quản trị và lợi ích kinh tế chưa được thiết lập đầy đủ, làm giảm động lực đổi mới và hạn chế khả năng chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy cung ứng dịch vụ chuyên nghiệp. Ortmann và King (2007) cũng chỉ ra rằng thiếu động lực quản trị là một rào cản của các HTX nông nghiệp quy mô nhỏ khi mở rộng sang những lĩnh vực dịch vụ đòi hỏi tính chuyên nghiệp cao. Trong khi đó, 100% lao động thường xuyên được chi trả lương, nhưng mức phổ biến chỉ từ 3,0 đến 5,0 triệu đồng/tháng, còn thấp so với yêu cầu thu hút và duy trì lao động có chất lượng.

Bên cạnh đó, tính cam kết về an sinh xã hội còn rất yếu khi chỉ có 10,0% HTX thực hiện đóng bảo hiểm xã hội. Đáng chú ý, nhóm được tham gia chủ yếu là kế toán trưởng. Điều này cho thấy nhiều HTX vẫn chưa đạt đến ngưỡng ổn định về tài chính và tổ chức để xây dựng đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp. Từ góc độ phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng, đây là một hạn chế đáng lưu ý, bởi hoạt động du lịch không chỉ cần lao động, mà cần lao động có kỹ năng, có tính ổn định và có khả năng duy trì chất lượng dịch vụ.

Về phương diện tổ chức, cơ sở vật chất và nhân lực, các HTX ở Bạc Liêu đã có những dấu hiệu chuyển biến nhất định về quy mô và điều kiện hoạt động. Tuy nhiên, nền tảng tổ chức và nhân sự hiện nay vẫn chưa thật sự đủ mạnh để nâng cấp từ mô hình sản xuất nông nghiệp truyền thống sang mô hình HTX cung ứng dịch vụ du lịch sinh thái, cộng đồng theo hướng chuyên nghiệp.

THỰC TRẠNG CHI TRẢ LƯƠNG TẠI CÁC HTX (%)



Hình 1. Thực trạng chi trả lương tại các HTX

Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm nghiên cứu (2024)

4.3 Thực trạng nguồn lực tài chính và kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh

Kết quả khảo sát nguồn lực tài chính cho thấy phần lớn HTX hoạt động ở quy mô nhỏ. Số liệu tại Bảng 3 cho thấy nhóm HTX có mức vốn thấp chiếm đa số, trong khi khả năng tích lũy nội bộ và tiếp cận tín dụng còn hạn chế. Đây là rào cản đáng kể đối với quá trình phát triển HTX gắn với du lịch sinh thái, cộng đồng, bởi mô hình không chỉ cần vốn cho sản xuất mà còn đòi hỏi đầu tư vào hạ tầng đón khách, điểm dừng chân, khu trải nghiệm, nhà vệ sinh, cảnh quan, trang thiết bị, truyền thông và các điều kiện bảo đảm an toàn dịch vụ.

Tuy nhiên, xét trên tổng thể hoạt động sản xuất - kinh doanh, các HTX có xu hướng cải thiện khá rõ trong giai đoạn gần đây. Nếu năm 2023 còn 50,0% HTX không có doanh thu thì đến năm 2024, tỷ lệ này giảm còn 3,3%. Đồng thời, tỷ lệ HTX có lợi nhuận tăng từ 50,0% năm 2023 lên 93,3% năm 2024. Cùng với đó, tỷ lệ HTX có trích lập quỹ tăng từ 36,7% lên 60,0%, còn tỷ lệ HTX có phân phối thu nhập tăng từ 50,0% lên 60,0%. Những chỉ dấu này cho thấy nền hoạt động kinh tế của các HTX đang dần ổn định hơn, năng lực duy trì sản xuất - kinh doanh đã được cải thiện đáng kể so với giai đoạn trước.

Tuy vậy, cần nhấn mạnh rằng sự cải thiện này chủ yếu phản ánh khả năng vận hành của HTX trong các hoạt động sản xuất - kinh doanh truyền thống, chứ chưa phản ánh trực tiếp năng lực đầu tư và tổ chức dịch vụ du lịch ở quy mô rõ nét. Nói cách khác, việc HTX có doanh thu và có lợi nhuận là điều kiện cần, nhưng chưa phải điều kiện đủ để chuyển sang mô hình HTX du lịch sinh thái, cộng đồng.

Phân tích sâu hơn về cấu trúc nguồn vốn cho thấy một nghịch lý đáng chú ý. Trong khi vốn hoạt động bình quân có sự gia tăng rõ rệt so với thời điểm thành lập, thì khả năng huy động nội lực từ thành viên vẫn chưa thật sự mạnh. Kết quả Bảng 3 cho thấy tỷ lệ HTX có tổng vốn hoạt động dưới 500 triệu đồng vẫn còn chiếm 56,7% vào năm 2024, trong khi nhóm HTX có tổng vốn trên 1.000 triệu đồng mới đạt 16,7%. Mặt khác, tỷ lệ HTX không có tích lũy tuy đã giảm mạnh từ 96,7% xuống 53,3%, nhưng vẫn còn chiếm hơn một nửa số HTX khảo sát; tỷ lệ HTX không vay vốn cũng còn ở mức cao, giảm từ 96,7% xuống 76,7%.

Từ góc độ phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng, thực trạng này cho thấy các HTX dù đã có dấu hiệu cải thiện kết quả sản xuất - kinh doanh, nhưng năng lực tự chủ tài chính thấp và thiếu tính bền vững trong cơ cấu nguồn vốn. Khi vốn tích lũy còn hạn chế, mức vay vốn thấp và quy mô vốn hoạt động nhìn chung còn nhỏ, HTX sẽ gặp khó trong việc đầu tư bài bản vào các hạng mục dịch vụ du lịch, vốn đòi hỏi chi phí ban đầu tương đối lớn và thời gian thu hồi vốn chậm

hơn so với các hoạt động sản xuất truyền thống. Điều đó cũng có nghĩa là nhiều HTX hiện mới chỉ đạt đến mức “ổn định trong sản xuất”, chứ chưa đủ điều kiện để chuyển mạnh sang mô hình kinh doanh đa giá trị gắn với du lịch.

Như vậy, trở ngại tài chính của HTX hiện nay không chỉ nằm ở việc thiếu vốn nói chung, mà còn nằm ở chỗ cấu trúc vốn chưa đủ mạnh để hỗ trợ quá trình nâng cấp mô hình hoạt động. Trong bối cảnh đó, phát triển HTX gắn với du lịch sinh thái, cộng đồng không thể chỉ trông chờ vào năng lực tự thân hiện có, mà cần thêm các cơ chế hỗ trợ phù hợp về tín dụng, đầu tư hạ tầng thiết yếu, nâng cao năng lực quản trị tài chính và liên kết thị trường. Nếu nguồn lực tài chính phản ánh khả năng duy trì và mở rộng hoạt động của HTX, thì mức độ tham gia vào các dịch vụ du lịch sinh thái, cộng đồng lại cho thấy rõ hơn khả năng chuyển hóa các nguồn lực đó thành sản phẩm và trải nghiệm cụ thể cho thị trường.

Khoảng trống trong hệ sinh thái của mô hình HTX du lịch tại Bạc Liêu là sự thiếu hụt tham gia từ các tác nhân cộng đồng. Hiện nay, các quyết định về phát triển du lịch sinh thái chủ yếu được thực hiện bởi Ban quản trị HTX, trong khi sự tham gia của các hộ gia đình không phải thành viên còn mờ nhạt. Du lịch cộng đồng chỉ thực sự bền vững khi người dân địa phương không chỉ là người làm thuê mà là chủ thể sở hữu được tham gia vào quá trình lập kế hoạch và giám sát. Việc thiếu vắng cơ chế phản hồi từ cộng đồng và du khách khiến các sản phẩm du lịch của HTX dễ rơi vào tình trạng đơn điệu, thiếu sức hút tự thân và chưa khai thác hết vốn xã hội tại địa phương.

Bảng 3. Cơ cấu tài chính của các HTX khảo sát giai đoạn thành lập – 2024

Chỉ tiêu	Nhóm khảo sát	Năm thành lập	Năm 2023	Năm 2024
Tổng vốn hoạt động	Dưới 500 triệu	90	63,3	56,7
	Trên 1.000 triệu	3,3	16,7	16,7
Vốn tích lũy	Không có tích lũy	96,7	53,3	53,3
	Trên 500 triệu	0	13,3	13,3
Vốn vay	Không vay vốn	96,7	83,3	76,7
Doanh thu	Không có doanh thu	-	50,0	3,3
Lợi nhuận	Có lợi nhuận	-	50,0	93,3
Trích lập quỹ	Có trích lập quỹ	-	36,7	60
Phân phối thu nhập	Có phân phối thu nhập	-	50	60

Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm nghiên cứu (2024)

4.4 Thực trạng tham gia, đầu tư và hiệu quả dịch vụ du lịch sinh thái, cộng đồng của các HTX

Để làm rõ hơn mối quan hệ giữa mức độ tham gia hoạt động du lịch và mức độ đầu tư cho các điều kiện phục vụ du lịch, có thể đối sánh một số nhóm dịch vụ và hạng mục đầu tư tương ứng như trình bày ở Bảng 4.

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ tham gia của các HTX vào hoạt động du lịch sinh thái, cộng đồng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu hiện còn khá khiêm tốn. Phần lớn các HTX chưa hình thành được các hoạt động cung ứng dịch vụ du lịch một cách rõ nét; những dịch vụ đã xuất hiện chủ yếu mới dừng ở các hình thức đơn lẻ như trải nghiệm nông nghiệp, tham quan di tích và danh lam thắng cảnh địa phương, trình diễn và bán sản phẩm thủ công mỹ nghệ, bán hàng lưu niệm, trình diễn văn nghệ và hoạt động văn hóa, dịch vụ thư giãn, dịch vụ ăn uống và homestay.

Theo kết quả khảo sát, chỉ có 04 HTX có ít nhất một hoạt động dịch vụ du lịch; trong đó, một số HTX đồng thời cung cấp từ hai loại dịch vụ trở lên. Trong đó, 03 HTX có hoạt động trải

nghiệm nông nghiệp, chiếm 10% số HTX được khảo sát; 01 HTX có hoạt động tham quan di tích và danh lam thắng cảnh địa phương, chiếm 3,3%; 01 HTX có trình diễn và bán sản phẩm thủ công mỹ nghệ, chiếm 3,3%; 02 HTX có bán hàng lưu niệm, chiếm 6,7%; 01 HTX có trình diễn văn nghệ và hoạt động văn hóa, chiếm 3,3%; 02 HTX có dịch vụ thư giãn, chiếm 6,7%; 03 HTX có dịch vụ ăn uống, chiếm 10%; và 01 HTX có dịch vụ homestay, chiếm 3,3% số HTX được khảo sát. Ở cấp độ thành viên, mức độ tham gia còn thấp hơn nữa, chỉ ghi nhận 01 thành viên tại 01 HTX tham gia trực tiếp vào 02 dịch vụ gồm trình diễn và bán sản phẩm thủ công mỹ nghệ, đồng thời bán hàng lưu niệm. Những con số này cho thấy hoạt động du lịch trong HTX hiện chưa được tổ chức như một lĩnh vực kinh doanh có cấu trúc, mà mới chủ yếu mang tính bổ sung, tự phát và quy mô nhỏ.

Về hiệu quả hoạt động, kết quả tự đánh giá của các HTX đang cung ứng dịch vụ du lịch cho thấy các dịch vụ hiện có chủ yếu được nhìn nhận ở mức từ trung bình trở lên. Cụ thể, đối với dịch vụ trải nghiệm nông nghiệp, trong số 03 HTX thực hiện có 01 HTX tự đánh giá ở mức bình thường và 02 HTX đánh giá ở mức tốt. Dịch vụ ăn uống có kết quả tích cực hơn, với 02 HTX tự đánh giá ở mức tốt và 01 HTX ở mức rất tốt. Đối với hoạt động bán hàng lưu niệm, có 01 HTX đánh giá ở mức bình thường và 01 HTX đánh giá ở mức tốt. Hoạt động trình diễn văn nghệ và văn hóa được HTX thực hiện tự đánh giá ở mức rất tốt; dịch vụ homestay được đánh giá ở mức tốt. Trong khi đó, các dịch vụ như tham quan di tích, trình diễn sản phẩm thủ công mỹ nghệ và dịch vụ thư giãn chủ yếu được đánh giá ở mức bình thường. Kết quả này cho thấy những dịch vụ đã được hình thành bước đầu có khả năng tạo ra giá trị nhất định cho HTX. Tuy nhiên, do đây chủ yếu là kết quả tự đánh giá nên mới phản ánh cảm nhận ban đầu về hiệu quả hoạt động, chưa đủ để khẳng định mức độ thành công bền vững nếu chưa được kiểm chứng thêm bằng các chỉ số như lượng khách, doanh thu từ du lịch, khả năng duy trì dịch vụ và mức độ quay lại của du khách.

Bên cạnh mức độ tham gia còn hạn chế, mức đầu tư của các HTX cho hoạt động du lịch sinh thái, cộng đồng cũng tương đối thấp. Chỉ có 02 HTX đầu tư hạ tầng như đường, cầu, nhà quan sát (6,7%); 05 HTX đầu tư trang thiết bị, máy móc (16,7%); 02 HTX đầu tư marketing, quảng cáo (6,7%); 01 HTX đầu tư hoạt động văn nghệ, văn hóa (3,3%); 09 HTX cải tạo môi trường, hệ sinh thái (30,0%); 05 HTX đầu tư điểm bán đặc sản, quà lưu niệm (16,7%); 03 HTX đầu tư hệ thống phục vụ ẩm thực (10,0%); trong khi 13 HTX đầu tư hệ thống sản xuất nông nghiệp (43,3%). Đối chiếu mức đầu tư với mức độ cung ứng dịch vụ cho thấy đầu tư hiện vẫn nghiêng về sản xuất. Chẳng hạn, 43,3% HTX đầu tư hệ thống sản xuất nông nghiệp nhưng chỉ 10,0% tổ chức trải nghiệm nông nghiệp. Khoảng cách này phản ánh sự lúng túng khi chuyển từ tư duy sản xuất sang tư duy dịch vụ, tương đồng với nhận định của Trang và Loc (2022) rằng mô hình du lịch nông thôn ở Đồng bằng sông Cửu Long thường chú trọng nguồn lực sẵn có hơn nhu cầu trải nghiệm của khách hàng. Đối với bán hàng lưu niệm, tỷ lệ tham gia là 6,7% trong khi tỷ lệ đầu tư điểm bán đặc sản, quà lưu niệm là 16,7%; đối với homestay, hai tỷ lệ tương ứng là 3,3% và 6,7%. Riêng dịch vụ ăn uống có mức tham gia và đầu tư cùng đạt 10,0%, cho thấy đây có thể là loại hình phù hợp hơn với điều kiện hiện tại. Như vậy, vấn đề không chỉ nằm ở mức đầu tư thấp mà còn ở năng lực tổ chức, tích hợp và chuyển hóa đầu tư thành dịch vụ tạo doanh thu.

Từ góc độ phát triển HTX gắn với du lịch sinh thái, cộng đồng, thực trạng trên phản ánh khoảng cách khá lớn giữa tiềm năng, mức đầu tư ban đầu và khả năng chuyển hóa thành hoạt động dịch vụ cụ thể. Bạc Liêu có lợi thế về tài nguyên nông nghiệp, sinh thái và bản sắc địa phương, song phần lớn các HTX vẫn chưa khai thác hiệu quả các điều kiện này để hình thành sản phẩm du lịch có cấu trúc, có khả năng tạo thêm việc làm và tăng thu nhập cho HTX và thành viên. Nói cách khác, hoạt động du lịch trong HTX hiện vẫn đang ở giai đoạn thử nghiệm, nhỏ lẻ và phụ thuộc nhiều vào điều kiện sẵn có, thay vì trở thành một hướng phát triển kinh tế được tổ chức bài bản. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết phải có cơ chế hỗ trợ phù hợp hơn về đầu tư hạ

tăng, nâng cao năng lực tổ chức dịch vụ, truyền thông quảng bá và liên kết thị trường, nếu muốn HTX thực sự trở thành chủ thể tham gia hiệu quả vào phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng.

Kết quả cho thấy đầu tư của các HTX hiện vẫn nghiêng nhiều về nền sản xuất hơn là tổ chức dịch vụ du lịch hoàn chỉnh. Điều này lý giải vì sao một số hạng mục đã được đầu tư ở mức nhất định nhưng tỷ lệ HTX thực sự tham gia cung ứng dịch vụ du lịch vẫn còn thấp. Khoảng cách giữa đầu tư và mức độ tham gia dịch vụ phản ánh hạn chế trong năng lực chuyển hóa nguồn lực hiện có thành sản phẩm du lịch có khả năng vận hành ổn định.

Bảng 4. So sánh giữa mức độ tham gia dịch vụ du lịch, đầu tư tương ứng và hiệu quả tự đánh giá của các HTX khảo sát

Loại hình hoạt động / Danh mục đầu tư	HTX thực hiện (%)	HTX có đầu tư (%)	Hiệu quả tự đánh giá (Mức phổ biến)
Trải nghiệm nông nghiệp / Hệ thống sản xuất	10	43,3	Tốt (66,7%)
Tham quan di tích, danh lam thắng cảnh	3,3	-	Bình thường (100%)
Trình diễn, bán sản phẩm thủ công mỹ nghệ	3,3	16,7	Bình thường (100%)
Bán hàng lưu niệm / Điểm bán đặc sản	6,7	16,7	Tốt (50%)
Trình diễn văn hóa, văn nghệ	3,3	3,3	Rất tốt (100%)
Dịch vụ thư giãn	6,7	-	Bình thường (100%)
Dịch vụ ăn uống / Hệ thống ẩm thực	10	10	Tốt (66,7%)
Dịch vụ homestay	3,3	6,7	Tốt (100%)
Đầu tư hạ tầng (đường, cầu, nhà quan sát)	-	6,7	-
Cải tạo môi trường, hệ sinh thái	-	30	-
Marketing, quảng cáo	-	6,7	-

Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm nghiên cứu (2024)

Tuy đã có một số dịch vụ bước đầu được hình thành, nhưng khả năng duy trì và mở rộng các hoạt động này còn phụ thuộc đáng kể vào năng lực quảng bá, tiếp cận khách hàng và liên kết thị trường của HTX.

4.5 Thực trạng quảng bá, tiếp cận thị trường và liên kết tiêu thụ dịch vụ du lịch

Về tiếp thị và quảng bá, kết quả khảo sát cho thấy năng lực truyền thông và tiếp cận thị trường của các HTX còn khá hạn chế. Mới có 13/30 HTX thực hiện quảng bá trên mạng xã hội, tương đương 43,3%, trong khi chỉ 5/30 HTX có website, tương đương 16,7%. Hình thức quảng bá phổ biến hiện nay vẫn là giới thiệu qua Zalo, Facebook và các mối quan hệ quen biết, còn việc xây dựng nội dung số, nhận diện thương hiệu, kênh giới thiệu dịch vụ trực tuyến hoặc truyền thông điểm đến vẫn còn rất mờ nhạt.

Ở chiều ngược lại, nhu cầu liên kết thị trường ở mức rất cao: 83,3% HTX mong muốn hợp tác với doanh nghiệp lữ hành. Kết quả này cho thấy phần lớn HTX đã nhận thức được giới hạn trong việc tự tiếp cận khách hàng, xây dựng tour tuyến và bán dịch vụ. Trở ngại vì vậy không chỉ nằm ở nguồn lực nội tại mà còn ở sự thiếu hụt các chủ thể trung gian có khả năng chuyển sản phẩm địa phương thành sản phẩm thị trường. Theo cách tiếp cận du lịch công bằng của Higgins-Desbiolles (2020), HTX có thể đóng vai trò tổ chức đại diện cộng đồng trong liên kết và đảm bảo phân lợi ích với doanh nghiệp lữ hành; tuy nhiên, vai trò này tại Bạc Liêu mới ở giai đoạn hình thành.

Từ góc độ phát triển mô hình HTX gắn với du lịch sinh thái, cộng đồng, thực trạng trên cho thấy thị trường vẫn là một khâu yếu. Ngay cả khi một số HTX đã có hoạt động trải nghiệm, ăn uống, bán hàng lưu niệm hay homestay, khả năng duy trì và mở rộng các dịch vụ này vẫn sẽ bị hạn chế nếu không được hỗ trợ về truyền thông, kết nối khách hàng và liên kết với hệ thống phân phối dịch vụ du lịch.

Bảng 5. Thực trạng quảng bá, tiếp cận thị trường và liên kết của các HTX khảo sát

Chỉ tiêu	Đặc điểm chi tiết	Tỷ lệ đạt (%)	Nhận xét
Nhu cầu liên kết	Muốn hợp tác với công ty lữ hành	83,3	Nhu cầu cao
Đối tượng khách	Tập trung khách trong nước	53,3	Chưa tự tin đón khách quốc tế
	Sử dụng mạng xã hội	43,3	Phổ biến nhưng còn tự phát
Kênh tiếp thị	Xây dựng website quảng bá chuyên nghiệp	16,7	Đầu tư bài bản còn rất thấp
	Không thực hiện tiếp thị	40,0	Rào cản lớn trong tiếp cận khách

Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm nghiên cứu (2024)

4.6 Nhu cầu đào tạo, nâng cao năng lực và các rào cản phát triển mô hình

Phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng đòi hỏi nguồn nhân lực không chỉ có kỹ năng đón tiếp, giao tiếp, thuyết minh và tổ chức trải nghiệm, mà còn phải có khả năng quảng bá, kết nối khách hàng và sử dụng các công cụ số phục vụ truyền thông điểm đến. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy phần lớn thành viên và đội ngũ quản lý HTX hiện chưa được đào tạo bài bản về những năng lực này. Nhu cầu tham gia các khóa tập huấn liên quan đến cách làm du lịch sinh thái, cộng đồng, kỹ năng phục vụ khách và kỹ năng quản lý hoạt động du lịch là rất cao. Bên cạnh các kỹ năng nghiệp vụ truyền thông, yêu cầu nâng cao năng lực số cũng đang trở thành một đòi hỏi ngày càng rõ. Trong bối cảnh khách du lịch có xu hướng tìm kiếm thông tin, so sánh điểm đến và đưa ra quyết định thông qua môi trường trực tuyến, các kỹ năng như tiếp thị trên mạng xã hội, xây dựng nội dung quảng bá và quản trị website/trang thông tin giới thiệu dịch vụ có ý nghĩa thiết thực đối với các HTX. Vì vậy, các nội dung này cần được xem như một bộ phận của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng năng lực, thay vì chỉ nhìn như các công cụ kỹ thuật đơn lẻ.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy các HTX đều nhận thức tương đối rõ các điều kiện có tính quyết định đối với phát triển mô hình, như đất đai, hạ tầng, nguồn vốn, sản phẩm đặc thù, kỹ năng tổ chức dịch vụ và khả năng liên kết thị trường. Trong đó, đất đai và điều kiện mặt bằng vẫn là rào cản đáng kể; đồng thời, hạn chế về năng lực quản trị, kỹ năng phục vụ và kỹ năng số tiếp tục làm giảm khả năng chuyển hóa tiềm năng sẵn có thành các sản phẩm du lịch có sức cạnh tranh. Điều này cho thấy rào cản phát triển hiện nay không chỉ là thiếu nguồn lực vật chất, mà

còn là thiếu năng lực vận hành mô hình theo hướng chuyên nghiệp và thích ứng với môi trường thị trường hiện đại.

Từ góc độ phát triển HTX gắn với du lịch sinh thái, cộng đồng, nhu cầu đào tạo cần được tiếp cận theo hướng toàn diện. Bên cạnh kiến thức sản xuất và quản lý nội bộ, chương trình bồi dưỡng cần bao gồm thiết kế trải nghiệm, đón tiếp và phục vụ khách, thuyết minh, bảo đảm an toàn, truyền thông số và kết nối thị trường. Việc bổ sung đồng thời các năng lực này là điều kiện để HTX vượt qua trạng thái tham gia nhỏ lẻ, tự phát và từng bước tổ chức hoạt động du lịch theo hướng chuyên nghiệp, bền vững.

Bảng 6. Nhu cầu đào tạo, nâng cao năng lực và các rào cản nhân lực trong phát triển mô hình

Chỉ tiêu năng lực	Đã thực hiện (%)	Chưa thực hiện (%)	Mức độ thể hiện từ khảo sát
Tập huấn nghiệp vụ cho thành viên	0	100	Nhu cầu cao, tỷ lệ chưa được tập huấn còn lớn
Đào tạo quản lý về du lịch	3,3	96,7	Hạn chế
Hướng dẫn kỹ năng đón tiếp khách	13,3	86,7	Hạn chế
Năng lực tiếp thị, quảng bá trên nền tảng số	43,3	56,7	Cần bổ sung
Năng lực xây dựng, quản trị website/trang thông tin quảng bá	16,7	83,3	Cần bổ sung

Nguồn: Số liệu khảo sát của nhóm nghiên cứu (2024)

4.7 Đánh giá chung về thực trạng

Kết quả nghiên cứu cho thấy mô hình HTX gắn với du lịch sinh thái, cộng đồng ở Bạc Liêu có tiềm năng nhưng mức độ phát triển còn thấp. Điểm mạnh chủ yếu nằm ở tài nguyên nông nghiệp, sinh thái, văn hóa và sản phẩm địa phương; trong khi điểm yếu tập trung ở quy mô tổ chức nhỏ, năng lực tài chính hạn chế, thiếu hạ tầng đón khách và nhân lực dịch vụ chưa chuyên nghiệp. Phần lớn HTX vẫn vận hành theo logic sản xuất nông nghiệp, chưa chuyển hóa đầy đủ nguồn lực hiện có thành sản phẩm và trải nghiệm du lịch có cấu trúc.

Các số liệu về mức độ tham gia và đầu tư cho thấy khoảng cách rõ rệt giữa tiềm năng, nguồn lực ban đầu và khả năng cung ứng dịch vụ. Chỉ 04/30 HTX có ít nhất một hoạt động du lịch; nhiều khoản đầu tư vẫn phục vụ sản xuất hơn là hình thành sản phẩm du lịch. Kết quả tự đánh giá hiệu quả mới phản ánh cảm nhận ban đầu của số ít HTX đang cung ứng dịch vụ, chưa đủ cơ sở khẳng định tính bền vững nếu thiếu các chỉ số về lượng khách, doanh thu du lịch, khả năng duy trì dịch vụ và tỷ lệ khách quay lại.

Bên cạnh đó, quảng bá số, liên kết thị trường và sự tham gia của cộng đồng là các mắt xích còn yếu. Hoạt động tiếp thị chủ yếu dựa vào mạng xã hội và quan hệ quen biết; khả năng kết nối với doanh nghiệp lữ hành chưa tương xứng với nhu cầu. Sự tham gia của thành viên và hộ dân ngoài HTX còn hạn chế, làm giảm khả năng đa dạng hóa trải nghiệm và phân phối lợi ích trong cộng đồng. Như vậy, rào cản phát triển mang tính hệ thống, bao gồm đồng thời quản trị, vốn, hạ tầng, nhân lực, chuyên đổi số, liên kết thị trường và cơ chế huy động cộng đồng.

4.8 Một số giải pháp thúc đẩy phát triển HTX gắn với du lịch sinh thái, cộng đồng

Thứ nhất, từng HTX cần rà soát tài nguyên, năng lực và thị trường mục tiêu để xây dựng phương án kinh doanh du lịch phù hợp; lựa chọn một số sản phẩm có khả năng triển khai trước

như trải nghiệm nông nghiệp, ẩm thực, giới thiệu sản phẩm đặc trưng hoặc bán hàng lưu niệm. Sản phẩm cần được thiết kế thành quy trình dịch vụ cụ thể, xác định rõ đối tượng khách, thời lượng, giá, tiêu chuẩn phục vụ, trách nhiệm của thành viên và phương thức phân phối lợi ích.

Thứ hai, cần nâng cao năng lực quản trị và chuyên nghiệp hóa nhân lực. Nội dung đào tạo nên tập trung vào quản trị dịch vụ, thiết kế trải nghiệm, giao tiếp và đón tiếp khách, thuyết minh, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn trong hoạt động du lịch, kỹ năng số và ngoại ngữ theo nhu cầu thực tế. HTX cần thiết lập cơ chế đối thoại định kỳ với thành viên và hộ dân lân cận để tiếp nhận sáng kiến, huy động nguồn lực cộng đồng và thống nhất cơ chế chia sẻ lợi ích.

Thứ ba, hỗ trợ vốn và hạ tầng cần gắn với phương án vận hành, khả năng đối ứng và cam kết duy trì dịch vụ. Nguồn lực nên ưu tiên các điều kiện thiết yếu như đường tiếp cận, khu đón khách, nhà vệ sinh, cảnh quan, xử lý môi trường, trang thiết bị bảo đảm an toàn và điểm giới thiệu sản phẩm. Đồng thời, HTX cần nâng cao năng lực lập kế hoạch tài chính, hạch toán riêng doanh thu và chi phí du lịch để đánh giá đúng hiệu quả đầu tư.

Thứ tư, cần tăng cường liên kết giữa HTX với doanh nghiệp lữ hành, cơ quan quản lý du lịch, chính quyền địa phương và cơ sở đào tạo. Liên kết phải hướng đến xây dựng tuyến, điểm và gói trải nghiệm có thể bán trên thị trường; thống nhất tiêu chuẩn chất lượng, lịch phục vụ và cơ chế phối hợp. Hoạt động quảng bá cần chuyển từ giới thiệu tự phát sang xây dựng nội dung số, nhận diện điểm đến, kênh thông tin trực tuyến và cơ chế tiếp nhận phản hồi, khảo sát sự hài lòng của du khách.

Thứ năm, nên triển khai theo lộ trình thí điểm và nhân rộng. Trước mắt, lựa chọn một số HTX có tài nguyên phù hợp, bộ máy quản trị tương đối ổn định và cam kết tham gia để hỗ trợ hoàn thiện sản phẩm, đào tạo nhân lực, kết nối thị trường và theo dõi các chỉ số về lượng khách, doanh thu, việc làm, mức hưởng lợi của thành viên và tác động môi trường. Kết quả thí điểm là căn cứ điều chỉnh mô hình trước khi mở rộng trên địa bàn tỉnh Cà Mau sau sắp xếp đơn vị hành chính.

5. Kết luận

Nghiên cứu cho thấy các HTX tại Bạc Liêu có điều kiện thuận lợi để tham gia phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng nhờ nguồn tài nguyên nông nghiệp, sinh thái, văn hóa và sản phẩm địa phương đa dạng. Tuy nhiên, mức độ tham gia hiện còn thấp, hoạt động chủ yếu ở quy mô nhỏ và chưa được tổ chức thành lĩnh vực kinh doanh có cấu trúc. Những hạn chế nổi bật gồm năng lực quản trị, tài chính, hạ tầng, kỹ năng dịch vụ, truyền thông số, liên kết thị trường và cơ chế huy động cộng đồng.

Kết quả nghiên cứu khẳng định việc phát triển mô hình không thể chỉ dựa vào hỗ trợ vốn đơn lẻ mà cần đồng thời chuẩn hóa tổ chức, phát triển sản phẩm, đào tạo nhân lực, củng cố hạ tầng thiết yếu, tăng cường liên kết chuỗi và bảo đảm sự tham gia, hưởng lợi của cộng đồng. Các kết quả là cơ sở thực tiễn cho việc lựa chọn mô hình thí điểm và tiếp tục nghiên cứu bộ tiêu chí đánh giá mức độ sẵn sàng của HTX tham gia du lịch sinh thái, cộng đồng trong bối cảnh tỉnh Cà Mau sau sắp xếp đơn vị hành chính.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Birchall, J. (2022). The role and potential of co-operatives in the poverty reduction process: A research agenda. *Journal of Co-Operative Studies*, 55(1), 118–128. <https://doi.org/10.61869/PLPS7193>
- Dougherty, M. L. (2009). *Ecotourism and Sustainable Development*, 2nd edition – By Martha Honey. *Natural Resources Forum*, 33(4), 340–342. <https://doi.org/10.1111/j.1477-8947.2009.01256.x>
- Douglas, N. (2006). *Tourism for Development: Empowering Communities*, R. Scheyvens. Pearson Education, Harlow (2002), (273pp., £22.99 paperback), ISBN: 0 130 26438 5. *Tourism Management*, 27. <https://api.semanticscholar.org/CorpusID:158715302>
- Goodwin, H. J., & Santilli, R. (2009). *Community-based tourism: a success?* <https://api.semanticscholar.org/CorpusID:167580846>

- Giampiccoli, A., Saayman, M., Sean, & Jugmohan. (2015). *Developing community-based tourism in South Africa : Addressing the missing link*. <https://api.semanticscholar.org/CorpusID:71102684>
- Higgins-Desbiolles, F. (2020). Socialising tourism for social and ecological justice after COVID-19. *Tourism Geographies*, 22(3), 610–623. <https://doi.org/10.1080/14616688.2020.1757748>
- Ortmann, G. F., & King, R. P. (2007). Agricultural Cooperatives I: History, Theory and Problems. *Agrekon*, 46(1), 18–46. <https://doi.org/10.1080/03031853.2007.9523760>
- Phạm Trung Lương. (2015). Phạm Trung Lương. *Hội Thảo “Môi Trường và Phát Triển Bền Vững Trong Bối Cảnh Biến Đổi Khí Hậu.”*
- Quốc hội. (2017). Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017.
- Quốc hội. (2023). Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15 ngày 20 tháng 6 năm 2023.
- Scheyvens, R. (2002). *Tourism for development: Empowering communities*. Pearson education.
- Trang, N. T. T., & Loc, H. H. (2022). Eco-agritourism as an Ecosystem-based adaptation (EBA) against climate change impacts for the Vietnamese Mekong Delta: a viewpoint. *IOP Conference Series: Earth and Environmental Science*, 1028(1), 012003. <https://doi.org/10.1088/1755-1315/1028/1/012003>
- Wearing, S., & Neil, J. (1999). *Ecotourism: Impacts, Potentials, and Possibilities*. Taylor & Francis. <https://books.google.com.sv/books?id=WiOAAAAMAAJ>